

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 459/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2020
V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn
Và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Súc.

2. Ông Võ Thái Quân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thiện Nhân- Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2020/TLST- HNGĐ ngày 27/5/2020, về: “ Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1975.

- Bị đơn: Phan Duy L, sinh năm 1972.

Cùng cư trú ấp Bình Tr 2, xã Bình Thạnh Đ, Phú T, An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai thì chị Trần Thị Ngọc B khai: Chị với anh L thành vợ chồng vào năm 1996, có đăng ký kết theo giấy chứng nhận kết hôn số 165, ngày 24 tháng 8 năm 2006 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân cấp.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc, có 01 lần xa nhau thời gian ngắn rồi chung sống lại, nhưng vẫn không hạnh phúc và ly thân từ năm 2016 đến nay 4 năm.

Con chung có 02 đứa tên: Phan Trần Thảo My, sinh ngày 02/7/1997 đã thành niên và đi làm việc; Phan Thành Vinh, sinh ngày 09/9/2004, đang sống với anh Vinh .

Tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có.

Yêu cầu :

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: Đứa con tên M đã thành niên và đi làm việc, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết phải giao cho ai nuôi; đồng ý cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng đứa con tên Vinh, chị không cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 22/7/2020 thì anh Phan Duy L khai: anh với chị B thành vợ chồng vào năm 1996, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 165, ngày 24 tháng 8 năm 2006 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân cấp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc, có xa nhau 01 lần thời gian ngắn rồi chung sống lại nhưng không hạnh phúc, chị B đi mua bán và ly thân từ năm 2016 đến nay. Con chung có 02 đứa tên: Phan Trần Thảo M, sinh ngày 02/7/1997 đã thành niên và đi làm việc; Phan Thành V, sinh ngày 09/9/2004, đang sống với anh; Tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có. Yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý chung sống lại với chị B mà sau khi đứa con tên Vinh học thành tài anh mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Đứa con tên My đã thành niên và đã đi làm, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu được tiếp tục nuôi đứa con tên Vinh không yêu cầu chị B cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng anh L được triệu tập hợp lệ 02 lần để tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xét xử nhưng vắng mặt, điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa thật sự nghiêm. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị B là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1.1] Anh L đã được triệu tập để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

[1.2] Anh L đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử.

[1.3] Chị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung :

[2.1] Hôn nhân giữa chị B với anh L có đăng ký kết hôn vào năm 2006, đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra.

- Về nguyên nhân ly thân: chị B cho rằng do tính tình không phù hợp hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc, có 01 lần xa nhau thời gian ngắn rồi chung sống lại, nhưng không hạnh phúc và ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh L cho rằng, do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc, có xa nhau 01 lần thời gian ngắn rồi chung sống lại nhưng không hạnh phúc, chị B đi mua bán và ly thân từ năm 2016 đến nay, anh không đồng ý chung sống lại với chị B mà khi nào con anh học thành tài mới đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy, Tòa án triệu tập hòa giải 02 lần nhằm hàn gắn chung sống lại, nhưng anh L điều vắng mặt, hơn nữa theo biên bản lấy lời khai thì anh không đồng ý chung sống lại với chị B, điều đó cho thấy anh không còn thương yêu chị B, hạnh phúc gia đình thật sự không còn, vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: có 02 đứa tên Phan Trần Thảo M, sinh ngày 02/7/1997 đã thành niên và đi làm việc; Phan Thành V, sinh ngày 09/9/2004, đang sống với anh V. HĐXX xét thấy, đứa con tên My đã thành niên và lao động được; đứa con tên V đang sống với anh L và anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị B đồng ý và nguyện vọng của Cháu Vinh được tiếp tục sống với cha, vì vậy giao cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, vì vậy chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản: Chị B và anh L khai không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ phải thu: Không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

[2.5] Về nợ phải trả: Chị B, anh L khai không có không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị B và anh L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.6] Về án phí DSST: Chị B phải chịu án phí về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 56; khoản 2, Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình;

- Khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; các khoản 1, 3, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

- Chị Trần Thị Ngọc B được ly hôn với anh Phan Duy L. Giấy chứng nhận kết hôn số 165, ngày 24 tháng 8 năm 2006 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân cấp không còn giá trị pháp lý.

- Anh Phan Duy L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đứa con tên Phan Thành V, sinh ngày 09/9/2004. không ai được quyền ngăn cản mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi chị B đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không có định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0006696 ngày 27/5/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Chị B và anh L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CC. THADS Phú Tân.
- UBND xã Bình Thạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. Hội Đồng Xét Xử Sơ Thẩm
Thẩm Phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thành Dũng